

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Miên
2. Ông Lý Thanh Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Nga M; địa chỉ: ấp X, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L; địa chỉ: ấp X, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Nga M trình bày:*

Chị M và anh Nguyễn Văn L có tổ chức lễ cưới năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng ngày 05-12-2005. Sau khi cưới, chị M và anh L sống chung tại ấp X, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, giữa chị M và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không

còn hạnh phúc, chị M và anh L không còn sống chung từ ngày 20-8-2020 cho đến nay. Trong thời gian hôn nhân, chị M và anh L có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 25-11-2002, hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14-12-2005, đang sống chung với anh L. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Chị Nguyễn Nga M yêu cầu giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.
- Về con chung: Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 14-12-2005 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 25-11-2002, đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Nga M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm.
- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử chị M được ly hôn với anh L; về con chung giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14-12-2005 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Nga M khởi kiện anh Nguyễn Văn L, cư trú tại ấp X, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản

chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Nga M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị M và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng ngày 05-12-2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Như vậy, chị M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày sau khi kết hôn, chị M và anh L sống có khoảng thời gian sống chung hạnh phúc tại ấp X, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2020, do bất đồng quan điểm sống giữa chị M và anh L thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc, không còn sống chung và không còn quan tâm, chăm sóc nhau kể từ ngày 20-8-2020 cho đến nay nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh L. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị M và anh L để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh L không đến và chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh L đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, chị M và anh L có 02 (Hai) người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 25-11-2002, đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường; Nguyễn Minh T, sinh ngày 14-12-2005, đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh L không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Mặc khác, từ khi chị M

và anh L không còn sống chung với nhau, cháu T sống cùng anh L, do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng và qua tham khảo ý kiến của cháu T có nguyện vọng sống cùng với anh L. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung T thì tiếp tục giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị M mà quyết định giao cháu T cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Đối với con chung Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 25-11-2002, đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Xét thấy, kể từ khi chị M và anh L không còn sống chung với nhau, cháu T sống chung với anh L, chị M chỉ đến thăm nom con chung chứ không có cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh L vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có văn bản yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng anh L có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu T đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử quyết định chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung, chị M trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm, chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nga M về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Nga M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nga M về con chung:

+ Giao cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 14-12-2005 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị Nguyễn Nga M không phải cấp dưỡng nuôi con; chị Nguyễn Nga M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Đối với con chung Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 25-11-2002, đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Nga M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009002 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Nga M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Luân